

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-11-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trịnh Ngọc Thành**

Ông **Lê Phương Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 375/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị L** – sinh năm 1974

Bị đơn: Anh **Trần Chí D** – sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp 1, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị L có mặt; anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Chí D tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc dẫn tới nợ nần nhiều nơi, chị đã

nhiều lần khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị L tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan niệm sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Hiện nay, vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương vợ con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; chứng minh nhân dân của chị L (bản sao), anh D (bản photo); sổ hộ khẩu của chị L và anh D (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con chung (bản sao); đơn yêu cầu sao gửi tài liệu, chứng cứ. Các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã sao gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai bị đơn; đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự; thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:
 - + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn, cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Trần Chí D.
 - + Về con chung: Giao cháu Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D.
 - + Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.
 - + Về nợ chung: Không có nên không xem xét.
 - + Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị L có đơn khởi kiện ly hôn với anh D, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và xác định chị L là nguyên đơn, anh D là bị đơn.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp 1, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

[1.3] Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2015 ngày 09/9/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, nay chị L yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Căn cứ vào lời khai của đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn bất hòa. Anh chị đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Tuy hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đến Tòa án làm việc, đồng thời có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và thực tế vắng

mặt không tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm. Điều này chứng tỏ anh D không có thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân của vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị L, anh D có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Trần Chí D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D cũng đồng ý giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu trên của chị L phù hợp với ý kiến của anh D. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao 01 con chung tên là Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D do chị L không yêu cầu

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh D kê khai không có, nên không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Trần Chí D.

- *Về con chung:* Chị L và anh D có 01 con chung tên là Trần Phương T – sinh ngày 24/12/2016.

Giao con chung tên là Trần Phương T cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Trần Chí D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung, các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ *Về án phí:* Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007382 ngày 30/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày. Nguyên đơn được tính từ ngày tuyên án. Bị đơn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy Chứng nhận kết hôn số 68/2015, quyền số 01/2015, cấp ngày 09/9/2015);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

**THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thanh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

